

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DSST

Ngày: 19-4-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất  
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tân Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Thái
2. Ông Đinh Công Danh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Đăng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019, về *Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn L - SN: 1974; bà Lê Thị Hồng N - SN: 1980; Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* ông Lê Văn H - SN: 1985; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Cụ Huỳnh Thị M - SN: 1953; Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Trần Thị Như T. Có mặt.

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ; Có đơn xin vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ; Có đơn xin vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn D – SN: 1970; Nơi cư trú: Buôn Khăm, xã Krông Pa, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn T - SN: 1972; Nơi cư trú: thôn Phước Lộc 1, xã H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ – SN: 1985; Nơi cư trú: KP6, TT. Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2019, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn L ủy quyền cho ông Lê Văn H trình bày:*

Ngày 10/11/2010 cha mẹ của ông L là cụ Nguyễn Bá A (chết năm 2014), cụ Huỳnh Thị Mùng các anh em trong gia đình (gồm: ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ) đồng thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông L 01 thửa đất nằm trong khuôn viên đất của cha mẹ ông L có bề ngang 05m dài 26m với diện tích 130m<sup>2</sup>, có tứ cận: đông giáp đường đi; tây giáp đất ông Nguyễn Bá L; nam giáp 05 lô đất của anh em ông L đã phân chia từ trước; bắc giáp phần đất còn lại của cha mẹ ông L. Giá chuyển nhượng là 30.000.000 đồng, thửa đất này vợ chồng ông L sử dụng trồng cỏ, nuôi bò và làm nghề tráng bánh. Sau khi cụ A chết thì cụ M không thực hiện cam kết giao phần đất vợ chồng ông L đã mua nên ông L có làm đơn đến UBND xã H giải quyết. Ngày 03/8/2017 UBND xã H tiến hành hòa giải với nội dung: Vợ chồng ông L đồng ý đổi một phần thửa đất và ngược lại cụ M đồng ý giao lại cho vợ chồng ông L 01 lô đất khác rộng 05m, dài hết đất và mở lối đường đi rộng 02m về hướng đông - tây trên thửa đất còn lại của cha mẹ ông L. Thời gian từ đó đến nay cụ M không thực hiện cam kết như nội dung đã thỏa thuận tại buổi hòa giải ở UBND xã H mà lại làm thủ tục tách 02 thửa đất, mỗi thửa 150,6m<sup>2</sup> và 181,6m<sup>2</sup> nhằm để chuyển nhượng cho người khác. Hai thửa đất đã tách nêu trên chiếm một phần đất của vợ chồng ông L có chiều dài 13m, rộng 05m đã xây tường rào ngăn cách nhưng vừa qua cụ M cùng các ông Đ, T, D tiến hành phá bỏ bức tường của vợ chồng ông L, gây thiệt hại 5.000.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2010, cụ M phải trả lại cho nguyên đơn phần đất đã chiếm dụng có bề 05m x 13m (nằm trong phần đất chuyển nhượng ngày 10/11/2010 là chiều ngang 05m, chiều dài 26m, diện tích 130m<sup>2</sup>); Hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 919342 và thửa đất số 438, tờ bản đồ số 31 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 919343 thửa đất số 439, tờ bản đồ số 31 cấp cùng ngày 15/01/2019 đứng tên bà Huỳnh Thị M; Cụ M cùng các ông Đ, T, D phải bồi thường cho nguyên đơn 5.000.000 đồng về giá trị bức tường bị đập phá.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chấp nhận hoán đổi phần đất có diện tích 5m x 13m được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M nhưng cụ M phải giao diện tích đất có chiều ngang 8m (5m ngang hoán đổi đất và 3m ngang bù đắp giá trị do thay đổi vị trí đất) chiều dài hết thửa đất tiếp giáp phía Tây diện tích đất còn lại của cụ M, gắn liền phần nhà bếp, chuồng bò và nhà chính của nguyên đơn, đồng thời phải mở lối đi vào thửa đất từ nam sang bắc hết chiều dài của thửa đất.

*Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn cụ Huỳnh Thị M trình bày:*

Năm 2010 vợ chồng cụ M có chuyển nhượng cho vợ chồng ông L một thửa đất

đúng như nguyên đơn trình bày, đến năm 2017 cụ M có thương lượng với vợ chồng ông L để đổi diện tích đất đã chuyển nhượng bằng một thửa đất khác có diện tích 150m<sup>2</sup> (phía sau hậu nhà vợ chồng ông L) theo hướng đông nam, có đường đi rộng 02m và hỗ trợ vợ chồng ông L số tiền 20.000.000 đồng để di dời công trình trên đất, việc thỏa thuận chỉ thể hiện bằng miệng. Tháng 7/2017, cụ M tiến hành thủ tục tách thửa đất nhưng không được vì lý do vợ chồng ông L tranh chấp. Ngày 03/8/2017, UBND xã H hòa giải với nội dung: vợ chồng ông L đồng ý đổi một phần diện tích đất 55m<sup>2</sup> trong phần đất mà vợ chồng ông L nhận chuyển nhượng năm 2010 cho cụ M và cụ M phải cắt giao lại cho vợ chồng ông L một thửa đất mới diện tích 115m<sup>2</sup> (dài 23m, rộng 05m) nằm ngay sau thửa đất của vợ chồng ông L. Theo thỏa thuận này cụ M tiến hành tách thửa và ngày 15/01/2019 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên cấp cho cụ M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 29/8/2019, cụ M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng cụ M với vợ chồng ông L lập ngày 10/11/2010 là vô hiệu, lý do quá trình sử dụng đất thực tế không phù hợp với sự thỏa thuận giữa hai bên, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa cụ M chấp nhận giao cho nguyên đơn 155,9m<sup>2</sup> đất gắn liền phần nhà bếp, chuồng bò và nhà chính của nguyên đơn và tự nguyện giao thêm diện tích đất 30,8m<sup>2</sup> (2m ngang, chiều dài hết thửa đất, tổng diện tích 186,7m<sup>2</sup>) để hoán đổi phần đất đã chuyển nhượng cho nguyên đơn; đối với giá trị tường rào bị phá dỡ bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn 1 triệu đồng.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

- UBND xã H, UBND thị xã Đ vắng mặt không có lời trình bày.
- Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ trình bày như cụ Huỳnh Thị M.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá A. Giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng là đúng quy định nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn giao cho nguyên đơn phần diện tích đất theo sơ đồ có cạnh tiếp giáp đường đi 12m (5m theo hợp đồng, 5m hoán đổi và 2m thêm bù vào giá trị), chiều dài hết thửa đất; xác lập lại đường đi để đảm bảo giá trị sử dụng các thửa đất, theo bản đồ giữa thửa 334 và thửa 298 thẳng về phía Tây, rộng 1,74m ở điểm 13-14 và rộng 1,58m ở điểm 2'-2'' (theo trích đo chỉnh lý hiện trạng địa chính); về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường 5 triệu đồng là không có cơ sở nên không chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy GCNQSDĐ*” thuộc thẩm quyền quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo khoản 3, 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân thị xã Đ có xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất được cấp cho hộ cụ Nguyễn Bá A, ngày 15/4/2002, gia đình gồm cụ A, cụ M, các ông D, T, Đ, L thống nhất phân chia và chuyển nhượng một phần thửa đất ở cho các ông D, T, Đ, L. Đối với phần diện tích này các đương sự không tranh chấp. Phần còn lại của thửa đất được cụ A, cụ M chuyển nhượng một phần cho ông L, bà N cụ thể: “*có đường về hướng Đông, ngang 5m dài 26m tổng 130m<sup>2</sup>. Đông giáp đường đi, Tây giáp Nguyễn Bá L, Nam giáp 5 lô đất các con trong gia đình, Bắc giáp diện tích còn lại của vợ chồng tôi với số tiền 30.000.000đ*” theo giấy nhượng đất sản xuất lập ngày 10/11/2010 được cụ Anh, cụ M, ông Đ, ông T, ông Dũng cùng ký tên. Các đương sự đều thừa nhận có việc chuyển nhượng này nên đây là sự thật không cần chứng minh. Ông L, bà N đã thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng 30.000.000đ, do đó căn cứ khoản 2 Điều 129, yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Nhưng thực tế sử dụng thửa đất không phù hợp với thỏa thuận chuyển nhượng ngày 10/11/2010. Giữa hai bên xảy ra tranh chấp và được UBND xã H nhiều lần hòa giải, trong đó tại buổi hòa giải ngày 3/8/2017, các bên thống nhất “*ông L cắt 1 phần thửa đất 130m<sup>2</sup> đã mua của cha mẹ, phần đất cắt tính từ mép nhà chính phía đông kéo thẳng ra hướng bắc xuống phía đông (giáp nhà ông Bùi Long P) trả lại cho bà Huỳnh Thị M sử dụng, đổi lại bà Huỳnh Thị M trả lại 01 lô đất rộng 5m dài hết đất có con đường đi về hướng nam (con đường chạy theo hướng Đông Tây) rộng 2m (gia đình tự thỏa thuận mở). Vị trí lô đất tính từ đông sang Tây, lô thứ 3. Hai bên đương sự căn cứ nội dung đã thương lượng thực hiện*” trên cơ sở này cụ M làm hồ sơ tách thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 919342 và CN919343 bao gồm một phần diện tích cụ M, cụ Anh đã chuyển nhượng cho ông L, bà N, nên việc cụ M được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng thủ tục, trình tự của pháp luật đối với một phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông L, bà N.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường giá trị tường rào bị phá dỡ là 5.000.000đ. Thấy rằng, tại thời điểm thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì tường rào không còn tồn tại, ngoài lời trình bày của nguyên đơn không có tài liệu gì chứng minh; bị đơn thì thừa nhận có đập phá tường rào, nhưng thiệt hại khoản 1.000.000đ nên cần buộc bị đơn cho nguyên đơn 1.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu do vi phạm hình thức, không phù hợp thực tế sử dụng. Thấy rằng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2010 không thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực mà chỉ lập thành văn bản là chưa đúng hình thức theo quy định tại Điều 127 Luật đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 146 nghị định 181/2004/NĐ-CP, bên mua đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình nên căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự, có cơ sở để công nhận giá trị hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng theo kết quả hòa giải ngày 3/8/2017 tại UBND xã H, các bên thống nhất hoán đổi một phần diện tích đất chuyển nhượng nên bị đơn làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đất với một phần diện tích đất thỏa thuận chuyển nhượng ban đầu. Do đó thủ tục tách thửa là phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu của bị đơn là có cơ sở, cần chấp nhận một phần và hủy phần diện tích 5m x 13m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý hoán đổi ngoài 10m bề ngang phải giao thêm 3m bề ngang theo dọc lối đi dự mở. Bị đơn chỉ chấp nhận giao thêm 2m bề ngang theo dọc lối đi dự mở, cụ thể bị đơn giao cho nguyên đơn được quyền sử dụng đất khu B và khu E như sơ đồ hiện trạng với tổng diện tích là 186,7m<sup>2</sup>, việc tự nguyện của bị đơn hoán đổi vị trí cho nguyên đơn để thực hiện theo hợp đồng là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.3] Vợ chồng cụ A và cụ M chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông L, phía đông thửa đất tồn tại một lối đi do gia đình tự mở, sau đó gia đình thống nhất bỏ lối đi này và giao cho ông T để mở rộng phần đất ở được giao. Đồng thời phải mở lối đi khác giữa thửa đất 298 và 334 tờ bản đồ 31 để đi vào phần còn lại của thửa đất. Nếu công nhận hiệu lực toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/11/2010 thì đất còn lại không có lối đi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá trị sử dụng đất của diện tích còn lại, không phù hợp nguyên tắc sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 Luật đất đai năm 2013 nên bị đơn tự nguyện hoán đổi giao cho nguyên đơn 186,7m<sup>2</sup> đất gắn liền với công trình của nguyên đơn đang trực tiếp sử dụng đất là phù hợp với thực trạng sử dụng đất.

[2.4] Hai bên đều yêu cầu mở lối đi để đảm bảo quyền sử dụng đất, cần xác lập đường đi để đảm bảo giá trị quyền sử dụng đất các thửa, theo bản đồ giữa thửa 334 và thửa 298 thẳng về phía Tây, rộng 1,74m ở điểm 13-14 và rộng 1,58m ở điểm 2'-2'' (theo trích đo chỉnh lý hiện trạng địa chính lập ngày 15/4/2022) là phù hợp với hiện trạng các bên đang trực tiếp sử dụng đất.

Từ những căn cứ như trên cần chấp nhận quan điểm của VKS tại phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 127 Luật Đất đai năm 2003; Điều 26, 105, 166, 167, 169, 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 37, 147, 165 BLTTDS; Điều 116, 129 BLDS năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N và một phần yêu cầu của bị đơn cụ Huỳnh Thị M.

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N được quyền sử dụng đất 186,7m<sup>2</sup> gắn liền với công trình xây dựng chuồng bò, nhà bếp tiếp giáp với phần nhà chính của vợ chồng ông L (cụ thể khu B 155,9m<sup>2</sup> và khu E 30,8m<sup>2</sup>) tọa lạc tại thôn Phước Lộc 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (theo sơ đồ hiện trạng lập ngày 15/4/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên). Được hoán đổi vị trí đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn L và vợ chồng cụ Huỳnh Thị M lập ngày 10/11/2010.

- Xác lập lối đi chung cho hộ cụ Huỳnh Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N thuộc khu C diện tích 52,6m<sup>2</sup> có bề rộng 1,74m (tọa độ điểm 13-14) và bề rộng 1,58m (tọa độ điểm 2'-2''). Kèm theo sơ đồ hiện trạng.

- Cụ Huỳnh Thị M được quyền sử dụng đất diện tích còn lại 691,5m<sup>2</sup> bao gồm hai thửa 438 và 439 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đứng tên cụ Huỳnh Thị M (930,8m<sup>2</sup> – (diện tích khu B 155,9m<sup>2</sup> + diện tích khu E 30,8m<sup>2</sup> + diện tích lối đi khu C 52,6m<sup>2</sup>). Kèm theo sơ đồ hiện trạng.

- Cụ Huỳnh Thị M phải bồi thường cho vợ chồng Nguyễn Văn L 1.000.000đ (một triệu đồng) về giá trị tường rào bị phá bỏ.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N và cụ Huỳnh Thị M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất số CN919342, thửa đất số 438, tờ bản đồ số 31 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN919343, thửa đất số 439, tờ bản đồ số 31 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/01/2019 đứng tên bà Huỳnh Thị M. Không chấp nhận yêu cầu của cụ Huỳnh Thị M về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/11/2010 giữa vợ chồng cụ Huỳnh Thị M và vợ chồng ông Nguyễn Văn L là vô hiệu.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N và cụ Huỳnh Thị M mỗi bên phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng). Các bên đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Hồng N phải chịu 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) án phí DSST. Đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ở biên lai thu tiền số 0013143 ngày 02/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Cụ Huỳnh Thị M là đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Hoàn lại cho cụ M 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00000332 ngày 24/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- P.NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mai Tấn Hoàng**